



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT LONG

Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 04
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13 - 13
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 27

05011
CÔNG
SÁCH NHIỆM
CH VỤ T
CHÍNH K
À KIỂM
PHÍA N
- TP. H

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005757 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006, Giấy phép hoạt động quản lý quỹ số 10/UBCK-GPHĐQLQ ngày 22 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh quản lý quỹ số 11/UBCK-GPĐCQLQ ngày 19 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 40.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ lầu 2, toà nhà Somerset Chancellor Court, số 21 - 23 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 3.762.079.387 VND. Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 19.545.825 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là (7.154.065.251) VND. Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là (10.916.144.638)

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông :	Phạm Hữu Phú	Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Quang Thông	Phó Chủ tịch
Ông :	Ngô Đình Chính	Thành viên
Ông :	Nguyễn Thúc Vinh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông :	Nguyễn Thúc Vinh	Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Miên Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Bà :	Đặng Thị Lan Hương	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà :	Lương Thị Thảo	Thành viên BKS

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.



Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính năm 2013 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chế độ kế toán được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTT ngày 31/12/2009, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long phê duyệt Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

Tp.HCM, ngày 19 tháng 02 năm 2014

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Hữu Phú

Tp.HCM, ngày 19 tháng 02 năm 2014

TM. Ban Tổng Giám Đốc
Tổng Giám đốc

(Handwritten signature)

Nguyễn Thúc Vinh



Số : 81.../BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính năm 2013
của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long**Kính gửi:**
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long được lập ngày 19/02/2014 từ trang 6 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2014

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Tổng Giám đốc

Đỗ Khắc Thanh

Kiểm toán viên

Dương Nguyễn Thúy Mai

Số giấy ĐKHN số: 0064-2013-142-1

Số giấy ĐKHN số: 0848-2013-142-1

50117
CÔNG T
Y NHÌEM H
VỤ TƯ
ÍNH KẾ
KIỂM T
IA NA
TP. HỒ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		33.640.538.201	30.009.036.240
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V. 1	16.476.102.088	23.235.936.592
1. Tiền	111		16.476.102.088	8.735.936.592
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	14.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.135.785.154	6.607.972.483
1. Đầu tư ngắn hạn	121		17.588.646.658	7.340.261.644
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(452.861.504)	(732.289.161)
III. Các khoản phải thu	130	V. 2	17.235.179	139.798.290
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	17.235.179	81.798.290
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	-	58.000.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.415.780	25.328.875
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.415.780	9.328.875
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.000.000	16.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		258.907.898	267.988.819
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220	V.6	-	23.300.925
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	23.300.925
- Nguyên giá	222		989.623.805	989.623.805
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(989.623.805)	(966.322.880)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		258.907.898	244.687.894
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	16.383.338	2.163.334
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.5	242.524.560	242.524.560
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		33.899.446.099	30.277.025.059
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		50.922.750	190.581.097
I. Nợ ngắn hạn	310		50.922.750	190.581.097
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	-	30.808.157
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.9	30.000.000	27.500.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	4.882.200	13.067.390
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		16.040.550	119.205.550
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		33.848.523.349	30.086.443.962
I. Vốn chủ sở hữu	410		33.848.523.349	30.086.443.962
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		501.294.300	501.294.300
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		501.294.300	501.294.300
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(7.154.065.251)	(10.916.144.638)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		33.899.446.099	30.277.025.059

501
CÔNG
CH NHIỆP
I VỤ
HÍNH
KIỂM
HÓA N
TP. H

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
A	B	C	1	2
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý	006		14.438.200.000	5.594.340.000
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		14.438.200.000	5.594.340.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	009		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	010		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013		-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		4.750.000.000	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác	030	V.11	23.093.968	42.367.914
- Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác trong nước	031		23.093.968	42.367.914
- Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài	032		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư uỷ thác	040	V.12	77.776.822.900	77.776.822.900
9.1. Nhà đầu tư uỷ thác trong nước	041		77.776.822.900	77.776.822.900
9.2. Nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài	042		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư uỷ thác	050	V.13	17.235.179	26.798.290
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư uỷ thác	051			

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu

Lê Thị Hoàng Lan

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy Đoàn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thúc Vinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu	01	V.15.1	80.186.012	658.133.118
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		80.186.012	658.133.118
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	V.16	28.572.336	201.278
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		51.613.676	657.931.840
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.15.2	8.722.715.347	4.332.343.951
7. Chi phí tài chính	22	V.17	1.305.710.875	1.174.377.683
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.706.538.761	3.796.353.079
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		3.762.079.387	19.545.029
10. Thu nhập khác	31		-	796
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	796
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.762.079.387	19.545.825
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.18	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		3.762.079.387	19.545.825

Người lập biểu



Lê Thị Hoàng Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Đoàn

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc




Nguyễn Thúc Vinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		89.749.123	6.213.912.741
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(1.362.259.950)	(1.401.179.531)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.896.012.134)	(1.794.967.113)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(5.335.697)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		19.865.609.001	20.186.918.246
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22.655.002.345)	(20.512.672.553)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.963.252.002)	2.692.011.790
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(107.408.328.278)	(41.267.811.138)
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24		105.331.600.000	37.374.262.880
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(230.357.445)	(6.890.794)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		342.503.221	1.278.257.236
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.168.000.000	316.013.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(796.582.502)	(2.306.168.816)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(6.759.834.504)	385.842.974

011
 CÔNG
 NGHỆ
 NGHIỆP
 VỤ
 NH
 TIÊM
 IA N
 TP. H

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2013	Năm 2012
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		23.235.936.592	22.850.093.618
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		16.476.102.088	23.235.936.592

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu

Lê Thị Hoàng Lan

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy Đoàn

Tổng giám đốc



Nguyễn Thúc Vinh



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm			Số dư cuối kỳ		
		Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này	
					Tăng	Giảm			Tăng
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		40.000.000.000	40.000.000.000					40.000.000.000	40.000.000.000
ặng dư vốn cổ phần									
Vốn khác của chủ sở hữu									
ố phiếu quỹ (*)									
ệnh lệch đánh giá lại tài sản									
ệnh lệch tỷ giá hối đoái									
ủy đầu tư phát triển									
ủy dự phòng tài chính		501.294.300	501.294.300					501.294.300	501.294.300
ác quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		501.294.300	501.294.300					501.294.300	501.294.300
ợi nhuận chưa phân phối		(10.935.690.463)	(10.916.144.638)	7.788.946.885	7.769.401.060	5.474.342.567	1.712.263.180	(10.916.144.638)	(7.154.065.251)
g		30.066.898.137	30.086.443.962	7.788.946.885	7.769.401.060	5.474.342.567	1.712.263.180	30.086.443.962	33.848.523.349

Người lập biểu

(Signature)

Lê Thị Hoàng Lan

Kế Toán Trưởng

(Signature)

Nguyễn Thị Thùy Đoan

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thúc Vinh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005757 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006, Giấy phép hoạt động quản lý quỹ số 10/UBCK-GPHĐQLQ ngày 22 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh quản lý quỹ số 11/UBCK-GPĐCQLQ ngày 19 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 40.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ lầu 2, toà nhà Somerset Chancellor Court, số 21 - 23 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ đầu tư chứng khoán

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật

4. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có

5. Tổng số nhân viên: 13 người, trong đó có 05 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề

II. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. 2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty quản lý quỹ ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/9/2011 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải 06 - 10 năm

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
- Chi phí di dời văn phòng

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được phân loại là nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

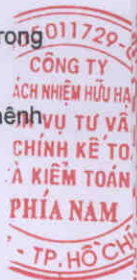
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB)	295.820	3.887.168.250	105.000	1.537.611.409
Công ty Cổ phần LICOGI 16 (LCG)	-	-	150.000	1.353.827.701
Cty CP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (TDC)	20.000	160.240.001	250.000	2.326.904.799
Tổng Cty CP đầu tư phát triển xây dựng (DIG)			60.500	917.792.252
Cty Cổ phần Cao su Đà Nẵng (DRC)			16.500	438.657.000
CTY CP tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành (TTF)			70.000	364.546.000
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nền Móng và Công Trình Ngầm Fecon (FCN)	200.000	3.675.154.479	-	-
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Rồng Việt (VDS)	800.000	2.962.607.255	-	-
Công ty Cổ phần Sản phẩm Thủy Tinh Việt Nam	475.000	2.327.500.000	-	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam (CSM)	128.000	4.575.976.673	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (HSG)			-	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam (GAS)			-	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (HAG)			-	-
Công ty Cổ phần XNK Thủy Sản An Giang (AGF)			-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng & Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình (HBC)			-	-
Công ty Cổ phần Khí Áp Thấp Dầu Khí Việt Nam (PVD)			-	-
Tổng cộng	1.918.820	17.588.646.658	668.700	7.340.261.644

2.2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn năm 2013

Tên chứng khoán	Giá vốn	Giá trị đầu tư	Số lượng	Giá thị trường	Mức trích dự phòng
Cty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (TDC)	8.012	160.240.001	20.000	9.200	-
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nền Móng và Công Trình Ngầm Fecon (FCN)	18.376	3.675.154.479	200.000	18.700	-
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Rồng Việt (VDS)	3.703	2.962.607.255	800.000	3.300	322.607.255
Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB)	13.140	3.887.168.250	295.820	12.700	130.254.249
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam (CSM)	35.750	4.575.976.673	128.000	36.000	-
Công ty Cổ phần Sản phẩm Thủy Tinh Việt Nam	4.900	2.327.500.000	475.000	4.900	-
Tổng cộng	17.588.646.658	1.918.820			452.861.504

Thông báo giá tại thời điểm ngày 31/12/2013 của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh là căn cứ trích lập dự phòng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ*Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng**khoán**Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư**Phải thu phí thường hoạt động**Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán**Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác***Tổng cộng**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
	-	-
	17.235.179	26.798.290
	-	-
	-	-
	-	55.000.000
	<u>17.235.179</u>	<u>81.798.290</u>

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC

Phải thu tài sản thiếu chờ xử lý

Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia

Phải thu người lao động

Phải thu khác

Tổng cộng

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
	-	-
	-	-
	-	-
	-	58.000.000
	<u>-</u>	<u>58.000.000</u>

5. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

1. Kỳ quỹ, ký cược dài hạn (Đặt cọc thuê văn phòng)

2. Các khoản tiền nhận ủy thác

3. Phải thu dài hạn khác (Đặt cọc sử dụng thẻ MCC của Công ty Mai linh)

Tổng cộng

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
	239.542.560	239.542.560
	3.000.000	3.000.000
	<u>242.542.560</u>	<u>242.542.560</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2013

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						989.623.805
1. Số dư đầu kỳ	-	163.963.415	825.660.390	-	-	-
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCN hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	163.963.415	825.660.390	-	-	989.623.805
II. Giá trị hao mòn lũy kế						966.322.880
1. Số dư đầu kỳ	-	163.963.415	802.359.465	-	-	-
2. Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Khấu hao tăng trong kỳ	-	-	23.300.925	-	-	23.300.925
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	163.963.415	825.660.390	-	-	989.623.805
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						23.300.925
1. Tại ngày đầu kỳ	-	-	23.300.925	-	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;	-	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	16.383.338	2.163.334
Tổng cộng	16.383.338	2.163.334

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
8.1. Thuế phải nộp nhà nước	-	30.808.157
- Thuế GTGT	-	-
- Thuế TTĐB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế TNDN	-	-
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	-	30.808.157
+ Thuế thu nhập cá nhân	-	30.808.157
+ Các loại thuế khác	-	-
8.2. Các khoản phải nộp khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	-	30.808.157

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	-
- Trích trước chi phí kiểm toán	30.000.000	27.500.000
Tổng cộng	30.000.000	27.500.000

10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- BHYT	-	-
- BHXH	-	-
- KPCĐ	4.882.200	13.067.390
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	4.882.200	13.067.390



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

15. DOANH THU

Chỉ tiêu	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
15.1. Doanh thu hoạt động nghiệp vụ		
- Tổng doanh thu	80.186.012	658.133.118
+ Doanh thu hoạt động quản lý quỹ ĐTCK và công ty ĐTCK	-	504.675.329
+ Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	80.186.012	153.457.789
+ Doanh thu từ phí thường hoạt động	-	-
+ Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	-
+ Doanh thu khác	-	-
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	-	-
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
+ Thuế TTĐB	-	-
+ Thuế xuất khẩu	-	-

15.2. Doanh thu hoạt động tài chính	8.722.715.347	4.332.343.951
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	343.753.221	1.336.257.236
- Lãi đầu tư chứng khoán	7.265.962.126	2.498.073.715
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.113.000.000	498.013.000

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
- Chi phí hoạt động quản lý quỹ ĐTCK và công ty ĐTCK	-	-
- Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	-	-
- Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	-
Tổng cộng	-	-

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
- Lãi tiền vay	5.335.697	-
- Phí môi giới	157.997.445	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.421.805.390	8.763.411.475
- Trích lập chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.943.379.933	-
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(2.222.807.590)	(7.659.332.985)
- Chi phí tài chính khác	-	70.299.193
Tổng cộng	1.305.710.875	1.174.377.683

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm		
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)		
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng (*)		
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả (*)		
Tổng cộng	-	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2013

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VND

20. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

31/12/2013
VND

01/01/2013
VND

a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:

- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu

b- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo

- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và khoản tương đương tiền;
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý

- Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ

c- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện

VII. Thông tin bổ sung cho báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

1. Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành: Không

2. Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận : Không

3. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:

- Thu nhập: Không phát sinh
- Chi phí: Không phát sinh
- Lãi (lỗ): Không phát sinh

Cộng:

VIII. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

Không có các khoản nợ tiềm tàng hoặc các cam kết khác cần phải công bố

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Không có sự kiện trọng yếu sau ngày kết thúc niên độ kế toán

3. Thông tin về các bên liên quan:

Không phát sinh các bên có liên quan

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý) theo quy định của chuẩn mực kế toán số 28 " báo cáo bộ phận"

Không phát sinh Báo cáo bộ phận theo CMKT số 28

011728
CÔNG TY
NHIỆM HỮU
VỤ TƯ VẤN
TÍNH KẾ TÍNH
KIỂM TOÁN
ÁI NAM
P. HỒ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2013

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)

6. Thông tin về hoạt động liên tục

7. Thông tin đối với mỗi loại cổ phiếu:

- Số cổ phiếu được phép phát hành	4.000.000
- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	4.000.000
- Số cổ phiếu đã được phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	Không
- Mệnh giá của cổ phiếu hoặc các cổ phiếu không có mệnh giá	10.000 Đ/CP

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Số cổ phiếu của công ty đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
- Các cổ phiếu đang dự trữ để phát hành	Không	Không

8. Những thông tin khác:

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2013 là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 chuyển qua đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS) kiểm toán, Số liệu này đã được phân loại lại theo thông tư 125/2011/T-BTC của Bộ Tài chính cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập biểu

Lê Thị Hoàng Lan

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Thị Thùy Đoan

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thúc Vinh